

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~435~~/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~25~~ tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự
án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất bị thu hồi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 về việc Ban hành Quy định về hạn mức giao đất, nhận chuyển quyền, công nhận đất ở; tách thửa, hợp thửa đất; giao, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 9/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về quy định mức kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di chuyển vật nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Lai Châu; số 401/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Lai Châu; số 44/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 về việc Ban hành Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 về việc Quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – dự toán trích đo bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cấm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Tờ trình số 78/TTr-TTPTQĐ ngày 24/3/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố về việc đề nghị thẩm định chi phí tổ chức thực hiện dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Báo cáo số 195/BCTĐ-TCKH ngày 27/3/2025 của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Lai Châu báo cáo kết quả thẩm định chi phí tổ chức thực hiện dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 73/TTr-NNMT ngày 02/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu với số tiền **228.223.124đ** (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi bốn đồng).

(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu có trách nhiệm sử dụng Chi phí tổ chức thực hiện tại Điều 1 theo đúng quy định.

2. Văn phòng HĐND-UBND thành phố có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Nông nghiệp - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND thành phố (Độc Xiêng);
- Trang TTĐT thành phố;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, NN-MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BIỂU CHI PHÍ BẢO ĐẢM CHO VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Hạng mục chi phí	Cơ quan thực hiện và phổ hợp thực hiện	Đơn vị tính	Mức chi, đơn giá (đồng)	Số người	Số ngày thực hiện	Khối lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN							228.223.124	
1	Kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất chỉ cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							25.903.000	
2	Chi cho các cơ quan đơn vị liên quan							5.780.000	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch							1.860.000	
-	Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị							1.860.000	
-	Phòng Nông nghiệp và Môi trường							2.060.000	
3	Chi tư vấn đo đạc bản đồ địa chính							196.540.124	
II	CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10)							228.223.124	
1	Chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất							1.820.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho thành viên tổ công tác (Lãnh đạo, công chức địa chính, UBMT Tổ quốc xã, phường xã, phường)		Đồng/người/ngày	260.000	3	1		780.000	
b	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	260.000	3	1		780.000	
c	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người);	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
2	Chi phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai							1.300.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	260.000	3	1		780.000	
b	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ, công chức, cán bộ địa chính xã, phường) UBMT Tổ quốc xã, phường	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
c	Chi phát tờ khai, hướng dẫn để người có đất bị thu hồi tự kê khai (đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản 01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
3	Chi phí đo đạc bản đồ địa chính phục vụ bồi thường GPMB (Theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Lai Châu)							196.540.124	
4	Chi kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; Chi kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; Chi tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác							4.080.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	340.000	4	2		2.720.000	

TT	Hạng mục chi phí	Cơ quan thực hiện và phối hợp thực hiện	Đơn vị tính	Mức chi, đơn giá (đồng)	Số người	Số ngày thực hiện	Khối lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
b	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ, công chức, cán bộ địa chính xã, phường)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	340.000	1	2		680.000	
c	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	340.000	1	2		680.000	
5	Thẩm định, xác nhận các nội dung, thông tin kê khai, kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi							1.360.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ địa chính và Công an phường Tân Phong)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	340.000	2	2		1.360.000	
6	Chi lập, thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							10.540.000	
6.1	Chi lập phương án, tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường (Cán bộ, viên chức Trung tâm PTQĐ)							2.040.000	
	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	340.000	2	3		2.040.000	
6.2	Chi niêm yết công khai, lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư							1.020.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
b	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ địa chính xã)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
c	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
6.3	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							5.780.000	
a	Chi cho phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch						1.860.000	
	- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức		Đồng/người/ngày	340.000	2	2		1.360.000	
	- Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác							500.000	
b	Chi cho phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị	Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị						1.860.000	
	- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức		Đồng/người/ngày	340.000	2	2		1.360.000	
	- Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác							500.000	
c	Chi cho phòng Nông nghiệp và Môi trường	Phòng Nông nghiệp và Môi trường						2.060.000	
	- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức		Đồng/người/ngày	340.000	2	2		1.360.000	
	- Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác							700.000	
6.4	Chi chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư							1.700.000	
a	Chi thực hiện công tác công tác chấp thuận, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	UBND thành phố	Đồng/người/ngày	340.000	2	1		680.000	
b	Chi thực hiện công tác công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường							1.020.000	

TT	Hạng mục chi phí	Cơ quan thực hiện và phổ hợp thực hiện	Đơn vị tính	Mức chi, đơn giá (đồng)	Số người	Số ngày thực hiện	Khối lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
-	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ địa chính phường)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
-	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	340.000	1	1		340.000	
7	Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định							1.560.000	
a	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	260.000	4	1		1.040.000	
b	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ địa chính phường)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
c	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
8	Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định							1.560.000	
-	- Chi tiền hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	260.000	3	1		780.000	
-	- Chi tiền hỗ trợ cho (cán bộ, công chức, cán bộ địa chính xã, phường)	UBND xã, phường	Đồng/người/ngày	260.000	2	1		520.000	
-	Chi cho đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản (01 người)	Đại diện trưởng hoặc phó khu phố, thôn, bản	Đồng/người/ngày	260.000	1	1		260.000	
9	Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư								
-	Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Thống kê kiểm đếm, lập phương án, tính toán xác định mức bồi thường ...)	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày						
10	Các khoản chi được tính theo nhu cầu thực tế phù hợp với đặc điểm của từng dự án, xác định trên chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ							9.463.000	
10.1	Chi thuê nhà làm việc, thuê và mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, TĐC							-	
a	Chi thuê hội trường (6,5 ngày (1/2 ngày họp triển khai, 1 ngày Hướng dẫn kê khai, 3 ngày chi trả tiền, 2 ngày Giải quyết vướng mắc)							-	
10.2	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng....							8.113.000	
a	- Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng							1.763.000	
	Chi tiết								
1	Giấy A4		Gam	80.000			5	400.000	

TT	Hạng mục chi phí	Cơ quan thực hiện và phổ hợp thực hiện	Đơn vị tính	Mức chi, đơn giá (đồng)	Số người	Số ngày thực hiện	Khối lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Giấy A3		Gam	150.000			1	150.000	
3	Bút chì		Hộp	45.000			1	45.000	
4	Bút bi 023		Hộp	120.000			1	120.000	
5	Giấy phân trang		Tập	15.000			1	15.000	
6	Gim kẹp 51		Hộp	35.000			2	70.000	
7	Gim kẹp 41		Hộp	20.000			2	40.000	
8	Gim kẹp 32		Hộp	15.000			2	30.000	
9	Gim kẹp 25		Hộp	12.000			2	24.000	
10	Gim kẹp 19		Hộp	7.000			2	14.000	
11	Gim kẹp 15		Hộp	5.000			2	10.000	
12	Máy bấm ghi		cái	40.000			1	40.000	
13	Túi đựng hồ sơ		Cái	3.500			10	35.000	
14	Gim cài		Hộp	40.000			2	80.000	
15	Túi bóng		kg	45.000			1	45.000	
17	Cặp 3 dây giấy		cái	20.000			5	100.000	
18	Bìa A4		gam	35.000			1	35.000	
19	Bìa A4 bóng kính		gam	80.000			1	80.000	
21	Bảng dính xanh		cây	80.000			1	80.000	
22	Tẩy chì		cái	5.000			5	25.000	
23	Mực dấu tròn		hộp	25.000			1	25.000	
26	Hòm tôn		Cái	300.000			1	300.000	
27	Mua sắm trang thiết bị văn phòng....								
b	- Chi mực máy phô tô, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in							6.350.000	
1	Mực máy photo		hộp	1.200.000			1	1.200.000	
2	Mực in		hộp	150.000			1	150.000	
3	Sửa chữa bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị....							5.000.000	
10.3	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc, xăng xe...							1.350.000	
a	- Tiền chè nước							100.000	
b	- Phí vệ sinh môi trường								
c	- Chi thanh toán cước phí điện thoại (1 máy x 33.000 đ/ tháng * 5 tháng)								
d	- Hỗ trợ thông tin liên lạc cho cán bộ phụ trách dự án (cước điện thoại 150.000đ/tháng *3 tháng)							150.000	
đ	- Chi thanh toán cước phí internet								
e	- Chi thanh toán cước bưu chính, tem thư, sách báo tạp chí, chuyển phát nhanh (100.000 đồng/tháng * 3 tháng)							100.000	
f	- Chi phí khác có liên quan							1.000.000	
-	(Chi hỗ trợ tiền xăng xe cho viên chức TTPTQĐ)		Người/tháng	500.000	2		1	1.000.000	
-	Chi đăng tin thông báo trên phát thanh, truyền hình, Báo Lai châu...								

